

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DamSan (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần DamSan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 03 năm 2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên
Ông Vũ Huy Đức	Thành viên
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Văn Hiệu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2018)
Bà Vũ Thùy Linh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2018)
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2018)
Bà Phạm Thị Hồi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Huy Đông	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Huy Đông - Tổng Giám đốc.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám Đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thái Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Huy Đông

Số: 67/2019/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DamSan

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần DamSan được lập ngày 05 tháng 4 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 53 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DamSan chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần DamSan, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo đến thuyết minh số 5.3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Biên bản họp số 10012018-1/HĐQT ngày 10/01/2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho ông Vũ Huy Đông - Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên trên các sổ tiết kiệm gửi tại các tổ chức tín dụng. Tổng số tiền gửi có kỳ hạn đứng tên cá nhân tại ngày 31/12/2018 là 56.651.507.903 đồng. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này các sổ tiết kiệm đã được tắt toán, toàn bộ tiền gốc và lãi đã được chuyển về tài khoản Công ty. Vấn đề này không ảnh hưởng tới ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần DamSan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này tại ngày 26 tháng 03 năm 2018.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01 - DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.201.451.604.361	1.077.785.560.221
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	30.858.357.555	162.052.534.013
Tiền	111		28.643.267.144	162.052.534.013
Các khoản tương đương tiền	112		2.215.090.411	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		303.504.830.584	256.828.050.814
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	4.190.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	299.314.830.584	256.828.050.814
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		486.280.087.776	358.400.402.715
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	207.321.990.021	170.710.756.818
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	102.869.428.601	41.552.482.756
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	67.878.793.683	57.973.793.233
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	117.802.795.883	96.210.253.979
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.9	(9.592.920.412)	(8.046.884.071)
Hàng tồn kho	140	5.8	361.264.131.617	286.877.766.588
Hàng tồn kho	141		361.264.131.617	286.877.766.588
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.544.196.829	13.626.806.091
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	79.125.657
Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.668.369.722	11.908.462.401
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	875.827.107	1.639.218.033
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		337.791.435.472	263.355.587.189
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.606.902.550
Phải thu dài hạn khác	216	5.7	-	3.606.902.550
Tài sản cố định	220		155.664.544.894	189.632.145.025
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	154.461.495.823	164.742.630.697
- Nguyên giá	222		438.679.592.144	411.789.843.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(284.218.096.321)	(247.047.212.963)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	23.590.199.913
- Nguyên giá	225		-	35.385.299.873
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(11.795.099.960)
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	1.203.049.071	1.299.314.415
- Nguyên giá	228		2.285.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.082.257.304)	(985.991.960)
Tài sản dở dang dài hạn	240		333.656.214	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		333.656.214	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	171.575.000.000	60.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		140.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		31.575.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		10.218.234.364	10.116.539.614
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	10.218.234.364	9.977.797.827
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	138.741.787
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.539.243.039.833	1.341.141.147.410

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu số B01 - DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.160.888.446.136	948.991.807.154
Nợ ngắn hạn	310		1.155.162.578.508	898.910.469.253
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	252.627.680.329	100.411.256.472
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	9.720.569.970	6.618.874.149
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.909.225.498	4.540.541.436
Phải trả người lao động	314		3.787.354.590	3.516.826.809
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	249.431.146	380.957.980
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		176.396.614	373.054.674
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	286.457.872.822	211.392.558.299
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	596.230.793.223	568.930.320.334
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.003.254.316	2.746.079.100
Nợ dài hạn	330		5.725.867.628	50.081.337.901
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	5.725.867.628	50.081.337.901
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		378.354.593.697	392.149.340.256
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	378.354.593.697	392.149.340.256
Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.178.010.000	255.178.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.178.010.000	255.178.010.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		60.283.587.273	60.283.587.273
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.659.155.594	6.773.392.770
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.939.816.554	67.620.325.937
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.441.785.897	21.582.764.395
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		38.498.030.657	46.037.561.542
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.539.243.039.833	1.341.141.147.410

Thái Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Lê Xuân Chiến


Lê Xuân Chiến



Vũ Huy Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết số	minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1		2.113.557.058.476	1.849.762.815.142
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			289.607.991	732.509.861
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10			2.113.267.450.485	1.849.030.305.281
Giá vốn hàng bán	11	6.2		2.029.564.480.308	1.773.565.255.786
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			83.702.970.177	75.465.049.495
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3		39.123.836.791	40.880.409.796
Chi phí tài chính	22	6.4		49.594.652.784	25.346.268.391
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			32.133.690.876	21.556.389.568
Chi phí bán hàng	25	6.5		11.093.148.981	12.908.102.946
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5		26.230.509.738	24.349.582.900
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			35.908.495.465	53.741.505.054
Thu nhập khác	31	6.6		8.288.167.785	817.038.928
Chi phí khác	32	6.7		721.225.130	1.955.219.367
Lợi nhuận khác	40			7.566.942.655	(1.138.180.439)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			43.475.438.120	52.603.324.615
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8		4.838.665.676	6.477.684.901
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9		138.741.787	88.078.172
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			38.498.030.657	46.037.561.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10		-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			-	-

Thái Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Lê Xuân Chiến


Lê Xuân Chiến


Vũ Huy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Mẫu số B 03 - DN**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	43.475.438.120	52.603.324.615
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	34.179.143.301	36.444.646.041
Các khoản dự phòng	03	1.546.036.341	1.936.979.686
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.840.622.433	(1.085.763.592)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(38.674.447.027)	(35.914.975.223)
Chi phí lãi vay	06	32.133.690.876	21.556.389.568
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	74.500.484.044	75.540.601.095
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(119.493.062.024)	(121.782.242.220)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(74.386.365.029)	(92.979.095.798)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	228.034.310.495	152.293.599.166
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(161.310.880)	(535.506.837)
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.265.217.710)	(22.615.770.887)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.419.436.188)	(6.165.119.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	68.809.402.708	(16.243.535.155)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.253.524.929)	(10.944.115.139)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	11.055.371.888	561.863.182
Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(316.614.831.034)	(124.895.942.466)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	260.033.050.814	49.806.553.225
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(111.575.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	24.600.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.382.525.912	23.219.949.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(131.972.407.349)	(37.651.691.671)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	146.403.887.273
Tiền thu từ đi vay	33	2.170.203.839.912	1.635.942.530.488
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.186.988.154.426)	(1.535.549.213.898)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.144.218.184)	(7.333.526.042)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(49.135.552.000)	(32.725.427.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(68.064.084.698)	206.738.250.821
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(131.227.089.339)	152.843.023.995
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	162.052.534.013	9.215.259.570
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		32.912.881	(5.749.552)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	30.858.357.555	162.052.534.013

Thái Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Lê Xuân Chiến


Lê Xuân Chiến




Vũ Huy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần DamSan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 03 năm 2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 255.178.010.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, không trăm mười nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán ADS theo Quyết định số 724/TB-SGDHCM ngày 22/06/2016. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ADS là ngày 29/06/2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình đường bộ; Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thảm, chăn đệm.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 630 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 605 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Thái Bình	80	80	Dệt sợi
Công ty liên kết				
Viện Dệt may	Hà Nội	30	30	Sản xuất sợi

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) [hoặc đồng tiền hạch toán khác] được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh kỳ hoạt động được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ hoạt động.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của hàng tồn kho được xác định theo giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.6.2 Tài sản thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị

10 năm

4.6.3 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 7 năm.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.8 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí mua bảo hiểm và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ hoạt động. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau: Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua; Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

4.14 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.15 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Các mặt hàng khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy DamSan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy DamSan II được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 17%

áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 10%. Năm 2018 là năm thứ 12 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan I và là năm thứ 8 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan II.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.19 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Tiền mặt (i)	123.983.580	455.293.851
Tiền gửi ngân hàng (ii)	28.519.283.564	161.597.240.162
Các khoản tương đương tiền (iii)	2.215.090.411	-
Cộng	30.858.357.555	162.052.534.013

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm:

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		123.983.580
Cộng		123.983.580

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2018 bao gồm:

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ		21.581.286.706
USD	930.501,45	21.578.617.369
EURO	101,60	2.669.337
Đồng Việt Nam		6.937.996.858
Cộng		28.519.283.564

(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2018 bao gồm:

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		2.215.090.411
Cộng		2.215.090.411

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình có kỳ hạn 3 tháng, có lãi suất 4,9%/năm đến 6,6%/năm.

5.2 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành:

- Số lượng 419 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu,
- Ngày phát hành: 19 tháng 12 năm 2018, kỳ hạn 7 năm
- Lãi suất: bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 0,8% (không phải tám phần trăm)/năm.

Giá gốc chứng khoán kinh doanh: 4.190.000.000 đồng; giá trị hợp lý: 4.190.000.000 đồng; dự phòng: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	299.314.830.584	256.828.050.814
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {a}	62.025.314.964	58.707.975.830
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {b}	29.795.530.200	28.728.125.000
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {c}	24.097.317.679	22.618.499.340
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {d}	55.418.347.299	55.043.090.491
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	41.014.653.731	40.942.880.016
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở {f}	5.950.000.000	23.190.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {g}	32.850.000.000	13.950.000.000
Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội {h}	20.200.000.000	9.066.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội {i}	11.300.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình {j}	15.451.344.966	1.161.880.191
Tổ chức tín dụng khác {k}	1.212.321.745	3.419.599.946
b) Dài hạn	-	-
Cộng	299.314.830.584	256.828.050.814

- {a} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất 6,4%/năm đến 6,8%/năm.
- {b} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô, Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất 6,8%/năm.
- {c} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất 7%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, số tiền 21.597.317.679 đồng, có lãi suất 7,2%/năm đến 7,3%/năm.
- {d} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6,3%/năm đến 6,4%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, số tiền 31.575.869.782 đồng, có lãi suất 6,6%/năm đến 6,9%/năm.
- {e} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 7,3%/năm đến 7,6%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, số tiền 1.014.653.731 đồng, có lãi suất 7,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- {f} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6,8%/năm đến 6,9%/năm và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 8,75%/năm.
- {g} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất từ 6,4%/năm đến 6,9%/năm.
- {h} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng, có lãi suất từ 7,4%/năm.
- {i} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 7,1%/năm.
- {j} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng, có lãi suất 7,3%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 13 tháng, số tiền 1.251.344.966 đồng, có lãi suất 7,2%/năm.
- {k} Tiền gửi tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Thái Bình số tiền 1.212.321.745 đồng, kỳ hạn 13 tháng, lãi suất 7,1%/năm.
- Tổng số tiền gửi tiết kiệm được ủy quyền ông Vũ Huy Đông đứng tên tại các tổ chức tín dụng là 56.651.507.903 đồng.

5.4 Phải thu khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	207.321.990.021	170.710.756.818
Phải thu khách hàng nước ngoài	42.404.327.029	28.425.523.812
+ Ning Bo Cimei Im&Ex Co.,Ltd	14.069.772.332	-
+ China Ctexic Corporation	9.217.417.422	-
+ China Textile Industrial Corporation For Foreign Economic and Technical Cooperation	-	13.624.508.210
+ BILLION MAX INTERNATIONAL HOLDING LTD	-	4.260.320.744
+ Khách hàng khác	19.117.137.275	10.540.694.858
Phải thu khách hàng trong nước	24.569.802.803	51.549.477.995
+ Công ty CP sợi Eiffel	-	9.239.105.561
+ Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	2.434.615.607	15.866.979.482
+ Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Artex	4.240.769.264	4.240.769.264
+ Công ty TNHH dệt may Minh Thành Hà Nội	3.494.336.304	3.373.115.292
+ Khách hàng khác	14.400.081.628	18.829.508.396
Phải thu khách hàng mua bất động sản	140.347.860.189	90.735.755.011
+ Ông Nguyễn Văn Dũng	6.626.864.345	9.202.510.586
+ Ông Trần Văn Việt	4.614.145.880	6.570.324.000
+ Ông Nguyễn Cảnh Tuấn	3.761.017.861	-
+ Ông Đặng Văn Đang	3.538.915.037	3.371.140.000
+ Khách hàng khác	121.806.917.066	71.591.780.425
b) Dài hạn	-	-
Cộng	207.321.990.021	170.710.756.818
Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	-	9.239.105.561

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Trả trước cho người bán

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	102.869.428.601	41.552.482.756
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	84.739.011.399	12.166.022.910
TRIL UNION MANAGEMENT CO., LTD	2.408.863.033	1.087.511.285
Trả trước cho người bán khác	15.721.554.169	28.298.948.561
b) Dài hạn	-	-
Cộng	102.869.428.601	41.552.482.756
Trong đó Trả trước cho người bán là bên liên quan (Xem thuyết minh 8.3)	84.739.011.399	12.166.022.910

5.6 Phải thu về cho vay

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 Trình bày lại (VND)
a) Ngắn hạn	67.878.793.683	57.973.793.233
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (i)	51.703.270.608	51.703.270.608
+ Dự án Quang Trung	30.573.860.277	30.573.860.277
+ Dự án Phú Xuân	21.129.410.331	21.129.410.331
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (ii)	4.149.541.428	4.149.541.428
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bồ Xuyên	2.372.275.700	2.372.275.700
Ông Hoàng Minh Tiến (iii)	5.000.000.000	-
Tổ chức cá nhân khác	7.025.981.647	2.120.981.197
b) Dài hạn	-	-
Cộng	67.878.793.683	57.973.793.233
Trong đó phải thu về cho vay là bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	90.000.000	90.000.000

- (i) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Xây dựng Công trình khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình với lãi suất 10,4%/năm.
- (ii) Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư dự án khu dân cư Lê Hồng Phong, và dự án Bồ Xuyên với lãi suất 10,4%/năm.
- (iii) Khoản cho ông Hoàng Minh Tiến vay ngày 08 tháng 08 năm 2018 với số tiền 5.000.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	-	294.752.631
Tạm ứng	10.980.668.571	10.082.464.361
Ký cược, ký quỹ	1.965.814.000	1.247.524.872
Phải thu khác	104.856.313.312	84.585.512.115
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình</i>	632.207.000	632.207.000
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	14.986.707.280	12.708.176.294
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình</i>	7.026.557.116	7.071.411.542
<i>{i}</i>		
<i>Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình {ii}</i>	3.490.611.275	3.490.611.275
<i>Sở Tài chính Tỉnh Thái Bình {iii}</i>	76.041.312.586	45.977.047.946
<i>Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC</i>	-	8.370.124.328
<i>Phải thu khác</i>	2.678.918.055	6.335.933.730
Cộng	117.802.795.883	96.210.253.979
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	3.606.902.550
Cộng	-	3.606.902.550
Trong đó phải thu khác là bên liên quan (Xem thuyết minh 8.3)	76.306.182	578.180.871

- {i} Lãi dự thu Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.
- {ii} Lãi dự thu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Lê Hồng Phong.
- {iii} Tiền thu hộ theo quyết định số 4581/UBND - KT ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	148.842.448.107	148.842.448.107	67.493.958.505	67.493.958.505
Công cụ, dụng cụ	6.079.709.776	6.079.709.776	6.631.872.320	6.631.872.320
Chi phí SXKD dở dang	181.773.158.322	181.773.158.322	174.539.600.249	174.539.600.249
Dự án Phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình	77.745.135.661	77.745.135.661	80.673.711.353	80.673.711.353
Dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại Quang Trung	64.403.262.857	64.403.262.857	72.508.362.372	72.508.362.372
Dự án Bồ Xuyên	310.913.727	310.913.727	-	-
Dự án Lê Hồng Phong	1.604.050.807	1.604.050.807	-	-
Dự án KCN An Ninh	451.489.802	451.489.802	-	-
Dự án văn phòng Hồ Chí Minh	15.642.224.654	15.642.224.654	-	-
Sản phẩm dở dang	21.616.080.814	21.616.080.814	21.357.526.524	21.357.526.524
Thành phẩm	23.269.745.817	23.269.745.817	32.019.644.804	32.019.644.804
Hàng hóa	1.189.863.716	1.189.863.716	6.083.484.831	6.083.484.831
Hàng gửi đi bán	109.205.879	109.205.879	109.205.879	109.205.879
Cộng	361.264.131.617	361.264.131.617	286.877.766.588	286.877.766.588

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

5.9 Nợ xấu

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 Trình bày lại (VND)		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	10.668.032.402	1.075.111.990	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	508.960.639	356.272.447	358.940.340	251.258.238	107.682.102
Từ 1 năm đến 2 năm	524.127.224	262.063.612	1.296.993.560	648.496.780	648.496.780
Từ 2 năm đến 3 năm	1.522.586.436	456.775.931	1.355.502.371	406.650.711	948.851.660
Trên 3 năm	8.112.358.103	-	6.341.853.529	-	6.341.853.529
GHULAM RABBANI AND CO	833.194.874	-	833.194.874	-	833.194.874
SOFEEENE ENTERPRISES	761.021.813	-	761.021.813	-	761.021.813
LGW Limited	545.706.638	-	545.706.638	-	545.706.638
SAURASHATRA COTTON & AGRO PRODUCTS PVT., LTD	405.703.253	-	405.703.253	-	405.703.253
Đối tượng khác	5.566.731.525	-	3.796.226.951	-	3.796.226.951
Cộng	10.668.032.402	1.075.111.990	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

5.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	83.118.509.585	317.003.051.159	11.151.812.279	516.470.637	411.789.843.660
Mua sắm trong năm	-	4.293.089.273	757.209.091	-	5.050.298.364
Thanh lý, nhượng bán	-	(13.749.076.318)	-	-	(13.749.076.318)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	35.588.526.438	-	-	35.588.526.438
Số dư tại ngày 31/12/2018	83.118.509.585	343.135.590.552	11.909.021.370	516.470.637	438.679.592.144
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	27.721.650.839	215.246.813.552	3.630.709.558	448.039.014	247.047.212.963
Khấu hao trong năm	4.326.915.345	27.055.109.973	1.196.438.318	30.026.826	32.608.490.462
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	13.269.487.455	-	-	13.269.487.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.707.094.559)	-	-	(8.707.094.559)
Số dư tại ngày 31/12/2018	32.048.566.184	246.864.316.421	4.827.147.876	478.065.840	284.218.096.321
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	55.396.858.746	101.756.237.607	7.521.102.721	68.431.623	164.742.630.697
Tại ngày 31/12/2018	51.069.943.401	96.271.274.131	7.081.873.494	38.404.797	154.461.495.823

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 102.818.075.965 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 60.902.827.422 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 141.413.018.881 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 164.742.630.697 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	(VND)	(VND)	(VND)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2018	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Số dư tại ngày 31/12/2018	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2018	625.991.960	360.000.000	985.991.960
Khấu hao trong năm	96.265.344	-	96.265.344
Số dư tại ngày 31/12/2018	722.257.304	360.000.000	1.082.257.304
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2018	1.299.314.415	-	1.299.314.415
Tại ngày 31/12/2018	1.203.049.071	-	1.203.049.071

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 360.000.000 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 360.000.000 đồng).

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	-	79.125.657
Cộng	-	79.125.657
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	8.452.688.649	9.977.797.827
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.765.545.715	-
Cộng	10.218.234.364	9.977.797.827

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN**5.13 Đầu tư tài chính**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc (VND)	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc (VND)
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel (i)	80%	140.000.000.000	80%	60.000.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Viện Dệt may (ii)	30%	31.575.000.000	0%	-
Cộng		171.575.000.000		60.000.000.000

(i) Công ty Cổ phần Sợi Eiffel có vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 175.000.000.000 đồng, tại ngày 01/01/2018 là 75.000.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất sợi.

(ii) Viện Dệt may có vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 50.000.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	252.627.680.329	100.411.256.472
Phải trả cho nhà thầu xây lắp	95.049.398.704	20.128.212.333
Nhà thầu trong nước	95.049.398.704	20.128.212.333
+ Công ty Cổ phần Xây dựng GM	63.059.209.017	5.675.006.386
+ Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	22.437.973.625	4.643.526.158
+ Công ty CP Xây dựng số 2	5.566.487.400	6.066.487.400
+ Người bán khác	3.985.728.662	3.743.192.389
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh	157.578.281.625	80.283.044.139
Nhà cung cấp trong nước	155.079.080.293	18.317.679.262
+ Công ty CP sợi Eiffel	115.437.494.332	-
+ Công ty CP Đức Quân	6.400.664.403	-
+ Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	13.164.521.580	-
+ Công ty TNHH Đông Phong	4.231.688.927	6.425.160.819
+ Người bán khác	15.844.711.051	11.892.518.443
Nhà cung cấp nước ngoài	2.499.201.332	61.965.364.877
+ UDAY COTTON INDUSTRIES	700.276.448	7.660.210.934
+ Textile enterprises limited	965.880.353	8.321.618.701
+ Người bán khác	833.044.531	45.983.535.242
b) Dài hạn	-	-
Cộng	252.627.680.329	100.411.256.472
Trong đó Phải trả người bán là bên liên quan (Xem thuyết minh 8.3)	117.574.908.698	6.425.160.819

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	9.720.569.970	6.618.874.149
Trả trước cho hoạt động bất động sản	7.310.071.545	5.478.928.163
Bảng Đồng Việt Nam	7.310.071.545	5.478.928.163
+ Ông Đỗ Văn Ngân	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Ông Phạm Thành Quận	1.045.000.000	-
+ Người mua khác	5.265.071.545	4.478.928.163
Trả trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	2.410.498.425	1.139.945.986
Bảng Đồng Việt Nam	814.533.491	1.053.299.863
Bảng ngoại tệ khác	1.595.964.934	86.646.123
b) Dài hạn	-	-
Cộng	9.720.569.970	6.618.874.149
Trong đó Người mua trả tiền trước là bên liên quan (Xem thuyết minh 8.3)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	01/01/2018
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
a. Các khoản phải thu				
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	544.294.281	53.901.524	54.019.711	544.176.094
Thuế thu nhập cá nhân	21.369.607	2.977.227.643	2.205.870.157	792.727.093
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	310.163.219	539.451.326	561.299.699	288.314.846
Các loại thuế khác	-	34.960.000	20.960.000	14.000.000
Cộng	875.827.107	3.605.540.493	2.842.149.567	1.639.218.033
b. Các khoản phải nộp				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	1.555.613	1.555.613
Thuế giá trị gia tăng	-	59.933.428.653	59.960.618.000	27.189.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.893.474.619	4.838.665.676	7.419.436.188	4.474.245.131
Thuế thu nhập cá nhân	15.750.879	221.936.253	243.736.719	37.551.345
Cộng	1.909.225.498	64.994.030.582	67.625.346.520	4.540.541.436

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Lãi vay phải trả	245.016.328	376.543.162
Chi phí phải trả khác	4.414.818	4.414.818
Cộng	249.431.146	380.957.980

5.18 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	39.003.602
Kinh phí công đoàn	234.657.656	229.559.638
Bảo hiểm y tế	-	12.547.509
Bảo hiểm thất nghiệp	-	16.515.435
Các khoản phải trả, phải nộp khác	286.223.215.166	211.094.932.115
Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình (i)	107.922.000.000	107.922.000.000
Cổ tức chưa chi	2.922.585.000	1.022.535.000
Phí bảo trì tòa nhà	4.186.952.279	3.591.544.485
Thu tiền ứng vốn dự án Phú Xuân	169.518.775.688	95.512.890.788
Phải trả khác	1.672.902.199	3.045.961.842
b) Dài hạn	-	-
Cộng	286.457.872.822	211.392.558.299

- (i) Phải trả tiền đất dự án Phú Xuân theo Quyết định số 3202/QĐ UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ngày 8 tháng 11 năm 2016 và theo hướng dẫn của Tờ trình số 708/TTr-STC do Sở Tài chính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ngày 16 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN**5.19 Vay và nợ thuế tài chính****a. Gốc vay ngắn hạn**

	31/12/2018 (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	01/01/2018 (VND)
Vay ngắn hạn bằng Đô la Mỹ	384.955.843.905	1.627.868.065.986	1.643.375.718.967	400.463.496.886
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội {a}	102.784.731.345	220.413.575.816	194.097.534.471	76.468.690.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {b}	51.128.000.000	217.364.300.000	266.204.300.000	99.968.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {c}	34.216.640.000	120.518.573.355	145.936.084.977	59.634.151.622
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {d}	23.646.700.000	70.224.805.000	68.908.785.000	22.330.680.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hải Phòng	-	131.386.149.058	196.406.949.937	65.020.800.879
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	13.200.320.000	90.026.751.469	105.672.080.429	28.845.648.960
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {f}	45.925.110.000	588.409.721.500	581.805.482.500	39.320.871.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	-	19.812.675.798	28.687.330.223	8.874.654.425
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {g}	21.300.076.000	76.695.394.144	55.395.318.144	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội {h}	28.118.076.000	28.185.308.000	67.232.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình {i}	64.636.190.560	64.830.811.846	194.621.286	-
Vay ngắn hạn bằng Việt Nam Đồng	206.998.241.238	543.891.984.290	477.974.744.652	141.081.001.600
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {f}	129.431.256.456	292.694.640.537	273.994.385.681	110.731.001.600
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	35.740.416.302	99.132.171.422	93.741.755.120	30.350.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	93.738.603.851	93.738.603.851	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {g}	8.936.568.480	14.036.568.480	5.100.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {c}	32.890.000.000	44.290.000.000	11.400.000.000	-
Cộng vay ngắn hạn	591.954.085.143	2.171.760.050.276	2.121.350.463.619	541.544.498.486
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem TM số 5.19b)	4.276.708.080			27.385.821.848
Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	596.230.793.223			568.930.320.334

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

- {a} Khoản vay Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2150/VB-HĐHM/2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD (bốn triệu đô la Mỹ chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc tại nhà máy Damsan I - KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình.
- Và Khoản vay theo thỏa thuận số 02/ST/18/DAMSAN ngày 08 tháng 08 năm 2018 trị giá 615.000 USD thời hạn cho vay từ ngày 08 tháng 08 năm 2018 đến ngày 11 tháng 02 năm 2019. Mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.
- {b} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng số 16/2018/HĐHM/PVC-CNTB ngày 15 tháng 11 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng chẵn). Thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoại trừ hoạt động kinh doanh bất động sản). Tài sản bảo đảm là sổ tiết kiệm có giá trị tối thiểu 40 tỷ đồng, các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của Công ty.
- {c} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 27876.17.755.1155640.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Khoản vay có tài sản bảo đảm là tiền mặt, tiền gửi, thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi tại MBBank, xe ô tô Audi, hàng tồn kho, khoản phải thu/quyền đòi nợ, tài sản khác của Công ty, hàng hóa hình thành từ phương án L/C 70%, 01 hệ thống xử lý bóng xuất xứ Thái Lan (nhập khẩu theo Hợp đồng nhập khẩu số 170224/SO-01).
- {d} Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng tín dụng số 5728/18/HĐTĐHM-DN/013 ngày 01 tháng 09 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các chứng từ có giá do ngân hàng phát hành.
- {e} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2127123/HĐTD ngày 04 tháng 09 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 đồng (chín mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 08 năm 2019. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

- {f} Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-201800750/HETD-DS ngày 11 tháng 09 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 05/09/2018, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản bao gồm nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất sợi Damsan II tại KCN Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.
- {g} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/2018-HĐCVHM/NHCT360-DAMSAN ngày 26/11/2018. Tổng hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 26/11/2018 đến ngày 31/10/2019. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng cầm cố chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng cho vay. Tại mọi thời điểm tỷ lệ số dư tín dụng có tài sản đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 70%.
- {h} Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0145/HĐTDHM ngày 24/05/2018. Tổng hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 24/05/2018. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng cầm cố chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng cho vay. Tại mọi thời điểm tỷ lệ số dư tín dụng có tài sản đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 40%.
- {i} Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 296/HĐHM-PN/SHB.112600 ngày 20/07/2018. Tổng hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 20/07/2018. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

b. Gốc vay dài hạn

	31/12/2018 (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	01/01/2018 (VND)
Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ	10.002.575.708	317.324.950	6.611.787.035	16.297.037.793
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	-	611.242	1.390.266.973	1.389.655.731
Ngân hàng NNo&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	5.943.943	938.118.168	932.174.225
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {a}	10.002.575.708	310.769.765	4.283.401.894	13.975.207.837
Vay dài hạn bằng Việt Nam Đồng	-	-	59.025.903.772	59.025.903.772
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	-	12.656.007.672	12.656.007.672
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	-	-	46.369.896.100	46.369.896.100
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	2.144.218.184	2.144.218.184
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	2.144.218.184	2.144.218.184
Cộng Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.002.575.708	317.324.950	67.781.908.991	77.467.159.749
Phân loại sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(4.276.708.080)			(27.385.821.848)
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-			(8.660.239.815)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	-			(1.389.655.731)
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình	(4.276.708.080)			(4.191.708.118)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	-			(11.000.000.000)
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	-			(2.144.218.184)
Cộng	5.725.867.628			50.081.337.901

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay dài hạn.

{a} Hợp đồng tín dụng hạn mức số 46.15.755.1155640.TD ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tổng hạn mức tín dụng 135.590 Euro hoặc (VND)/USD tương đương. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng và Công ty. Lãi suất nợ quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là để thanh toán tiền máy thiết bị theo hợp đồng số 1402137 ngày 06/01/2015. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị theo hợp đồng nhập khẩu số 1402137 ngày 06/01/2015 có tổng giá trị là 193.700 EUR.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hợp đồng tín dụng số 3422.16.755.1155640.TD ngày 29 tháng 01 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 53.000.000.000 đồng (năm mươi ba tỷ đồng). Thời hạn của mỗi khoản cấp tín dụng không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh, kỳ trả gốc và lãi theo từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay là xây dựng nhà xưởng và tài trợ nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan", mở L/C. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hình thành từ vốn tự có của khách hàng để hoàn thiện Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan".

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Trong vòng một năm	4.276.708.080	27.385.821.848
Từ hai đến năm thứ năm	5.725.867.628	50.081.337.901
Cộng	10.002.575.708	77.467.159.749
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	4.276.708.080	27.385.821.848
Số phải trả sau 12 tháng	5.725.867.628	50.081.337.901



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN**5.20 Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Tại ngày 01/01/2017	168.734.810.000	322.900.000	2.294.024.276	5.007.392.770	58.162.726.395	234.521.853.441
Tăng vốn trong năm	86.443.200.000	59.960.687.273	-	-	-	146.403.887.273
Lãi trong năm	-	-	-	-	46.037.561.542	46.037.561.542
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.766.000.000	(1.766.000.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(33.747.962.000)	(33.747.962.000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.066.000.000)	(1.066.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	255.178.010.000	60.283.587.273	2.294.024.276	6.773.392.770	67.620.325.937	392.149.340.256
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	38.498.030.657	38.498.030.657
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	1.885.762.824	(1.885.762.824)	-
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(51.035.602.000)	(51.035.602.000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.257.175.216)	(1.257.175.216)
Tại ngày 31/12/2018	255.178.010.000	60.283.587.273	2.294.024.276	8.659.155.594	51.939.816.554	378.354.593.697

(i) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 1404/2018/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 14 tháng 01 năm 2018 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2017:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 1.885.762.824 đồng

Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.257.175.216 đồng

Chia cổ tức năm 2017: 51.035.602.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

b) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	CỔ PHIẾU	CỔ PHIẾU
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.517.801	25.517.801
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	25.517.801
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	25.517.801

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 (VND).

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.113.557.058.476	1.849.762.815.142
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.960.744.515.871	1.674.662.837.968
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.366.963.741	3.433.683.917
Doanh thu kinh doanh bất động sản	147.056.784.109	171.666.293.257
Doanh thu khác	388.794.755	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	289.607.991	732.509.861
- Giảm giá hàng bán	289.607.991	-
- Hàng bán bị trả lại	-	732.509.861
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.113.267.450.485	1.849.030.305.281
Trong đó doanh thu với các bên liên quan (Xem thuyết minh 8.3)	732.872.157.472	595.413.954.973

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Giá vốn của hàng đã bán	1.908.684.534.010	1.627.699.839.957
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.612.185.015	1.548.777.460
Giá trị còn lại của tài sản và bất động sản đầu tư đã bán	118.267.761.283	144.316.638.369
Cộng	2.029.564.480.308	1.773.565.255.786

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.661.056.898	22.261.790.858
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.957.122.498	4.522.926.159
Doanh thu khác	505.657.395	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.000.000.000	14.095.692.779
Cộng	39.123.836.791	40.880.409.796

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền vay	32.133.690.876	21.556.389.568
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.164.930.243	3.789.878.823
Chi phí tài chính khác	296.031.665	-
Cộng	49.594.652.784	25.346.268.391

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
a) Chi phí bán hàng		
Chi phí lương bán hàng	634.790.929	536.008.547
Chi phí hoa hồng	2.206.945.080	2.481.003.979
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	6.927.028.092	8.516.252.952
Chi phí khác	1.324.384.880	1.374.837.468
Cộng	11.093.148.981	12.908.102.946
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí khấu hao	2.187.343.827	1.625.174.338
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	7.742.622.390	5.117.938.749
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(56.865.995)	-
Trích dự phòng phải thu khó đòi	1.602.902.336	1.936.979.686
Chi phí mua ngoài khác	14.754.507.180	15.669.490.127
Cộng	26.230.509.738	24.349.582.900

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Thu phí chuyển nhượng lô đất	964.420.750	122.140.000
Thu lãi phạt hợp đồng kinh tế	230.039.500	-
Thu từ thanh lý TSCĐ	6.013.390.129	119.354.768
Thu tiền chiết khấu	13.636.364	-
Thu nhập khác	1.066.681.042	575.544.160
Cộng	8.288.167.785	817.038.928

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.7 Chi phí khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Các khoản phạt vi phạm hành chính	4.665.839	1.303.064.349
Các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng	447.759.900	-
Chi phí tài trợ không được tính vào chi phí được trừ	268.019.765	-
Các khoản khác	779.626	652.155.018
Cộng	721.225.130	1.955.219.367

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận trước thuế	43.475.438.120	52.603.324.615
Hoạt động được ưu đãi thuế suất TNDN 15%	14.167.924.466	2.970.716.767
Hoạt động được ưu đãi thuế suất TNDN 17%	13.924.354.027	11.735.254.163
Hoạt động được ưu đãi thuế suất TNDN 10%	1.665.106.376	6.351.698.306
Hoạt động không được ưu đãi thuế suất TNDN	1.361.057.090	17.449.962.600
Thu nhập từ góp vốn vào Công ty con	12.000.000.000	14.095.692.779
Lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá tiền và phải thu	356.996.161	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	272.685.604	-
Các khoản điều chỉnh tăng	272.685.604	-
Thu nhập chịu thuế suất 15%	14.167.924.466	2.970.716.767
Thu nhập chịu thuế suất 17%	14.197.039.631	11.735.254.163
Thu nhập chịu thuế suất 10%	1.665.106.376	6.351.698.306
Thu nhập chịu thuế suất 20%	1.361.057.090	17.449.962.600
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.977.407.463	6.565.763.073
Hoàn nhập chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại năm trước	(138.741.787)	(88.078.172)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.838.665.676	6.477.684.901

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	138.741.787	88.078.172
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	138.741.787	88.078.172

6.10 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	690.117.262.136	885.196.010.818
Chi phí nhân công	44.910.018.171	45.146.889.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.179.143.301	36.444.646.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.341.919.147	723.792.808.051
Chi phí khác bằng tiền	17.819.186.225	24.747.502.897
Cộng	<u>888.367.528.980</u>	<u>1.715.327.857.299</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Số tiền đi vay thực thu/thực trả trong năm:**

Số dư các khoản vay tại ngày 01/01/2018:	619.011.658.235 VND.
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	2.170.203.839.912 VND.
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	2.186.988.154.426 VND.
Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:	1.873.535.314 VND.
Số dư các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:	601.956.660.851 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo theo lĩnh vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh****Bảng cân đối kế toán**

	Hoạt động kinh doanh Bông 31/12/2018 (VND)	Hoạt động kinh doanh Sợi 31/12/2018 (VND)	Hoạt động kinh doanh Khăn 31/12/2018 (VND)	Hoạt động KD bất động sản 31/12/2018 (VND)	Tổng cộng 31/12/2018 (VND)
Tài sản					
Tài sản bộ phận	227.635.531.647	38.790.483.522	100.996.831.889	304.032.703.181	671.455.550.239
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	867.787.489.594
Tổng tài sản	227.635.531.647	38.790.483.522	100.996.831.889	304.032.703.181	1.539.243.039.833
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	16.370.740.471	129.820.534.451	13.797.505.128	102.359.470.249	262.348.250.299
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	898.540.195.837
Tổng nợ phải trả	16.370.740.471	129.820.534.451	13.797.505.128	102.359.470.249	1.160.888.446.136
	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tài sản					
Tài sản bộ phận	75.362.401.543	59.119.782.115	134.870.442.561	202.351.263.371	471.703.889.590
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	869.437.257.820
Tổng tài sản	75.362.401.543	59.119.782.115	134.870.442.561	202.351.263.371	1.341.141.147.410
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	61.933.626.839	1.938.709.428	9.082.542.129	25.607.140.496	98.562.018.892
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	850.429.788.262
Tổng nợ phải trả	61.933.626.839	1.938.709.428	9.082.542.129	25.607.140.496	948.991.807.154

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Hoạt động kinh doanh Bông (VND)	Hoạt động kinh doanh Sợi (VND)	Hoạt động kinh doanh Khăn (VND)	Hoạt động KD bất động sản (VND)	Hoạt động khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	527.935.136.274	1.154.885.001.851	271.056.244.976	147.056.784.109	12.334.283.275	2.113.267.450.485
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	527.935.136.274	1.154.885.001.851	271.056.244.976	147.056.784.109	12.334.283.275	2.113.267.450.485
Khấu hao và chi phí phân bổ	515.773.361.662	1.137.479.859.810	286.861.878.384	120.865.017.594	5.908.021.577	2.066.888.139.027
Kết quả kinh doanh	12.161.774.612	17.405.142.041	(15.805.633.408)	26.191.766.515	6.426.261.698	46.379.311.458
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.161.774.612	17.405.142.041	(15.805.633.408)	26.191.766.515	6.426.261.698	46.379.311.458
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	39.123.836.791
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	7.566.942.655
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	49.594.652.784
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	43.475.438.120
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	4.977.407.463
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	38.498.030.657

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

	Hoạt động kinh doanh Bông (VND)	Hoạt động kinh doanh Sợi (VND)	Hoạt động kinh doanh Khăn (VND)	Hoạt động KD bất động sản (VND)	Hoạt động khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	457.001.558.700	979.541.480.450	233.286.498.395	171.666.293.257	7.534.474.479	1.849.030.305.281
Tổng Doanh thu	457.001.558.700	979.541.480.450	233.286.498.395	171.666.293.257	7.534.474.479	1.849.030.305.281
Khấu hao và chi phí phân bổ	460.966.306.177	972.103.488.157	223.783.595.375	147.775.688.665	6.193.863.258	1.810.822.941.632
Kết quả kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	(3.964.747.477)	7.437.992.293	9.502.903.020	23.890.604.592	1.340.611.221	38.207.363.649
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.964.747.477)	7.437.992.293	9.502.903.020	23.890.604.592	1.340.611.221	40.880.409.796
Doanh thu từ các khoản đầu tư Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	(1.138.180.439)
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	25.346.268.391
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	52.603.324.615
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	6.565.763.073
Lợi nhuận trong năm						46.037.561.542

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Chỉ tiêu	Thị trường nội địa (VND)	Thị trường xuất khẩu (VND)	Tổng cộng (VND)
1. Doanh thu thuần từ bán hàng	1.131.330.265.116	981.937.185.369	2.113.267.450.485
2. Tài sản bộ phận	1.487.555.176.234	51.687.863.599	1.539.243.039.833

8.2 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Đơn vị tính: VND		
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.858.357.555	-	30.858.357.555
Phải thu khách hàng	207.321.990.021	-	207.321.990.021
Đầu tư	303.504.830.584	171.575.000.000	475.079.830.584
Phải thu về cho vay	67.878.793.683	-	67.878.793.683
Phải thu khác	117.802.795.883	-	117.802.795.883
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	9.592.920.412	-	9.592.920.412
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	717.773.847.314	171.575.000.000	889.348.847.314
Ngày 31/12/2018			
Các khoản vay và nợ	596.230.793.223	5.725.867.628	601.956.660.851
Phải trả người bán	252.627.680.329	-	252.627.680.329
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	286.707.303.968	-	286.707.303.968
Tổng cộng	1.135.565.777.520	5.725.867.628	1.141.291.645.148
Chênh lệch thanh khoản thuần	(417.791.930.206)	165.849.132.372	(251.942.797.834)
Ngày 01/01/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.052.534.013	-	162.052.534.013
Phải thu khách hàng	170.710.756.818	-	170.710.756.818
Đầu tư	256.828.050.814	60.000.000.000	316.828.050.814
Phải thu về cho vay	57.973.793.233	-	57.973.793.233
Phải thu khác	96.210.253.979	3.606.902.550	99.817.156.529
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	8.046.884.071	-	8.046.884.071
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	735.728.504.786	63.606.902.550	799.335.407.336
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	568.930.320.334	50.081.337.901	619.011.658.235
Phải trả người bán	100.411.256.472	-	100.411.256.472
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	211.773.516.279	-	211.773.516.279
Tổng cộng	881.115.093.085	50.081.337.901	931.196.430.986
Chênh lệch thanh khoản thuần	(145.386.588.299)	13.525.564.649	(131.861.023.650)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	393.003.579.587	328.501.706.580	393.003.579.587	328.501.706.580
<i>Phải thu khách hàng</i>	207.321.990.021	170.710.756.818	207.321.990.021	170.710.756.818
<i>Phải thu về cho vay</i>	67.878.793.683	57.973.793.233	67.878.793.683	57.973.793.233
<i>Phải thu khác</i>	117.802.795.883	99.817.156.529	117.802.795.883	99.817.156.529
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	334.363.188.139	418.880.584.827	334.363.188.139	418.880.584.827
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	4.190.000.000	-	4.190.000.000	-
<i>Cho vay ngắn hạn</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	299.314.830.584	256.828.050.814	299.314.830.584	256.828.050.814
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	30.858.357.555	162.052.534.013	30.858.357.555	162.052.534.013
Tổng cộng	727.366.767.726	747.382.291.407	727.366.767.726	747.382.291.407
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính	1.141.291.645.148	931.196.430.986	1.141.291.645.148	931.196.430.986
<i>Vay và nợ</i>	601.956.660.851	619.011.658.235	601.956.660.851	619.011.658.235
<i>Phải trả người bán</i>	252.627.680.329	100.411.256.472	252.627.680.329	100.411.256.472
<i>Phải trả khác</i>	286.707.303.968	211.773.516.279	286.707.303.968	211.773.516.279
Tổng cộng	1.141.291.645.148	931.196.430.986	1.141.291.645.148	931.196.430.986

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.3 Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Công ty con
Công ty TNHH Đông Phong	Thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	P. Tổng Giám đốc là Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Các giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Doanh thu	732.872.157.472	595.413.954.973
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	317.048.420.050	286.104.012.165
Công ty TNHH Đông Phong	9.419.880.079	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	406.403.857.343	309.309.942.808
Mua hàng	1.094.474.433.135	1.085.137.346.203
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	511.564.107.571	405.852.909.747
Công ty TNHH Đông Phong	19.496.080.120	30.311.677.198
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	563.414.245.444	648.972.759.258
Cổ tức	12.000.000.000	14.095.692.779
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	12.000.000.000	14.095.692.779

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Các khoản phải thu khách hàng	-	9.239.105.561
Công ty CP Sợi Eiffel	-	9.239.105.561
Các khoản trả trước cho người bán	84.739.011.399	12.166.022.910
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	84.739.011.399	12.166.022.910
Các khoản phải trả người bán	117.574.908.698	6.425.160.819
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	115.437.494.332	-
Công ty TNHH Đông Phong	2.137.414.366	6.425.160.819
Các khoản phải thu về cho vay	90.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Đông Phong	90.000.000	90.000.000
Các khoản phải thu khác	76.306.182	578.180.871
Công ty CP Sợi Eiffel	-	501.874.689
Công ty TNHH Đông Phong	76.306.182	76.306.182

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lương và tiền thưởng Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.268.683.333	1.151.852.152
Cộng	1.268.683.333	1.151.852.152

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.4 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có thực hiện bảo lãnh cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC vay vốn theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 27988.17.755.1188096.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017 và hợp đồng cho vay số 93.17.755.1188096 ngày 26 tháng 06 năm 2017 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Thái Bình với Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC, số dư vay là 49.737.457.840 đồng (tương đương 2.140.166 USD) đảm bảo bằng tài sản là các giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành được Công ty Cổ phần DamSan bảo lãnh.

8.5 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.6 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế. Một số số liệu trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng Công ty thực hiện trình bày lại đúng theo chi tiết đối tượng cụ thể:

Phải thu khác	31/12/2017	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	294.752.631	294.752.631
Tạm ứng	10.082.464.361	10.082.464.361
Ký cược, ký quỹ	1.247.524.872	1.247.524.872
Phải thu khác	84.585.512.115	84.585.512.115
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình</i>	<i>2.598.021.000</i>	<i>632.207.000</i>
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>12.708.176.294</i>	<i>12.708.176.294</i>
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình</i>	<i>7.071.411.542</i>	<i>7.071.411.542</i>
<i>{i}</i>		
<i>Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình {ii}</i>	<i>3.492.103.922</i>	<i>3.490.611.275</i>
<i>Sở Tài chính Tỉnh Thái Bình {iii}</i>	<i>45.977.047.946</i>	<i>45.977.047.946</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC</i>	<i>8.370.124.328</i>	<i>8.370.124.328</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>4.368.627.083</i>	<i>6.335.933.730</i>
Cộng	96.210.253.979	96.210.253.979
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.606.902.550	3.606.902.550
Cộng	3.606.902.550	3.606.902.550

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

Nợ xấu	31/12/2017 (VND)		01/01/2018 Trình bày lại (VND)		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	8.340.300.658	293.416.587	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	358.940.340	251.258.238	107.682.102
Từ 1 năm đến 2 năm	-	-	1.296.993.560	648.496.780	648.496.780
Từ 2 năm đến 3 năm	-	-	1.355.502.371	406.650.711	948.851.660
Trên 3 năm	8.340.300.658	293.416.587	6.341.853.529	-	6.341.853.529
GHULAM RABBANI AND CO	779.826.357	-	833.194.874	-	833.194.874
SOFEENE ENTERPRISES	712.276.187	-	761.021.813	-	761.021.813
LGW Limited	510.752.565	-	545.706.638	-	545.706.638
SAURASHATRA COTTON & AGRO PRODUCTS PVT., LTD	405.703.253	-	405.703.253	-	405.703.253
Đối tượng khác	5.931.742.296	293.416.587	3.796.226.951	-	3.796.226.951
Cộng	8.340.300.658	293.416.587	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

Phải thu về cho vay	31/12/2017	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (i)	31.830.886.226	51.703.270.608
+ Dự án Quang Trung	31.830.886.226	30.573.860.277
+ Dự án Phú Xuân	-	21.129.410.331
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (ii)	25.237.907.007	4.149.541.428
+ Dự án Phú Xuân	21.088.365.579	-
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bồ Xuyên	2.372.275.700	2.372.275.700
Tổ chức cá nhân khác	905.000.000	2.120.981.197
Cộng	57.973.793.233	57.973.793.233

Thái Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Chiến



Lê Xuân Chiến



Vũ Huy Đông